TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ VÕ** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**
Số: 14/2019/QĐST- HNGĐ	Quế Võ, ngày 08 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Toán và bà Nguyễn Thị Nhụ

Căn cứ vào các điều 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy: Người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 23/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961
- Bị đơn: Ông Đào Trọng Đ, sinh năm 1961

Cùng HKTT: Thôn Cung Kiệm, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đào Thị Mến, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp 3, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

2. Chị Đào Thị Thủy, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Bất Phí, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

3. Anh Đào Trọng Chung, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Cung Kiệm, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

4. Chị Đào Thị Thao, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Cung Kiệm, xã Nhân Hòa, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án.
- Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà S 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2017/0002839 ngày 25/12/2018 của Chi cục thi hành án huyện Quế Võ.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận: *- Đương sự;* *- VKSND huyện Quế Võ;* *- Lưu hồ sơ vụ án.*	**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ** **Nguyễn Tuyết Mai**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).